

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				10%	0%	10%	0%	0%	25%	0%	55%			
1	122230544	NGUYỄN NHẬT BÁCH	K13KTR1	6		6			6		6	6.0	Sáu	
2	122230599	PHAN CÔNG LONG	K13KTR1	6		7			6		6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
3	132234801	HỒ TRỌNG ĐỨC	K13KTR1	5		7			3		6.5	5.5	Năm phẩy Năm	
4	132234805	NGUYỄN HIẾU ANH	K13KTR1	7		8			7		4	5.5	Năm phẩy Năm	
5	132234827	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	K13KTR1	8		8			6		3	0.0	Không	
6	132234834	NGUYỄN THANH HÀ	K13KTR1	7		7			7		6	6.5	Sáu phẩy Năm	
7	132234835	PHAN MINH HÀ	K13KTR1	9		8			7		5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
8	132234839	TRẦN QUANG HẢI	K13KTR1	9		7			7		8	7.8	Bảy phẩy Tám	
9	132234842	TRẦN ĐÌNH HIẾU	K13KTR1	8		7			5		8.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
10	132234844	NGUYỄN QUỐC HOÀN	K13KTR1	5		7			6		7.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
11	132234852	NGUYỄN PHÚ HÙNG	K13KTR1	7		8			7		4.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
12	132234856	ĐẬU NGỌC KHOA	K13KTR1	9		8			6		4	5.4	Năm phẩy Bốn	
13	132234859	TRỊNH XUÂN KIÊN	K13KTR1	7		7			6		6.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
14	132234862	NGÔ TÙNG LINH	K13KTR1	4		6			6		4	4.7	Bốn phẩy Bảy	
15	132234868	NGUYỄN HOÀNG LONG	K13KTR1	9		7			6		4.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
16	132234873	NGUYỄN ĐỨC LUÂN	K13KTR1	7		8			6		8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
17	132234875	PHAN VĂN NAM	K13KTR1	8		7			6		7.5	7.1	Bảy phẩy Một	
18	132234879	LÊ TRƯỜNG DUY	K13KTR1	4		6			5		7	6.1	Sáu phẩy Một	
19	132234881	NGUYỄN LỆ HẰNG	K13KTR1	9		8			8		5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
20	132234883	TRẦN THANH PHONG	K13KTR1	8		7			7		5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
21	132234888	HOÀNG VĂN QUANG	K13KTR1	8		8			3		5	5.1	Năm phẩy Một	
22	132234891	PHẠM VĂN QUỐC	K13KTR1	9		7			7		7	7.2	Bảy phẩy Hai	
23	132234894	NGUYỄN VĂN TIẾN SỸ	K13KTR1	8		8			6		6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
24	132234898	DƯƠNG THỊ MINH PHƯƠNG	K13KTR1	6		7			6		8	7.2	Bảy phẩy Hai	
25	132234901	NGUYỄN BÁ THẮNG	K13KTR1	8		7			7		4.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
26	132234903	PHẠM CÔNG THẮNG	K13KTR1	8		7			6		5	5.8	Năm phẩy Tám	
27	132234906	HOÀNG VĂN THÀNH	K13KTR1	8		7			6		6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
28	132234909	NGUYỄN CÔNG THẢO	K13KTR1	7		7			6		6	6.2	Sáu phẩy Hai	
29	132234914	HOÀNG THỊ THANH TÂM	K13KTR1	8		7			7		5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
30	132234915	TRỊNH THỊ ANH THU	K13KTR1	8		7			7		7	7.1	Bảy phẩy Một	
31	132234918	ĐÀO XUÂN TIẾN	K13KTR1	7		7			7		6	6.5	Sáu phẩy Năm	
32	132234922	NGUYỄN MẠNH TOÀN	K13KTR1	7		7			5		6	6.0	Sáu	
33	132234929	VĂN BÁ TRƯỜNG	K13KTR1	8		7			7		7	7.1	Bảy phẩy Một	
34	132234932	NGUYỄN MINH TUẤN	K13KTR1	8		7			7		7	7.1	Bảy phẩy Một	

Thời gian : 18h00 - 23/11/2011

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				10%	0%	10%	0%	0%	25%	0%	55%			
35	132234935	LỮ THANH TÙNG	K13KTR1	8		8			6		6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
36	132234941	PHAN VĂN VIỆT	K13KTR1	8		7			7		6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
37	132234942	LÂM VĂN VŨ	K13KTR1	9		7			7		5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
38	111260527	NGUYỄN THANH HÒA	K13KTR2	0		0			0		V	0.0	Không	
39	111260668	NGUYỄN THANH VĨNH	K13KTR2	8		6			6		6.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
40	112230599	ĐẶNG HỒNG QUANG	K13KTR2	0		0			0		HP	0.0	Không	NỢ HP
41	122230536	VÕ CÔNG ĐỊNH	K13KTR2	6		6			3		5.5	5.0	Năm	
42	122230581	NGUYỄN HẢI HÙNG	K13KTR2	7		7			6		5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
43	122230606	PHẠM MINH MÃN	K13KTR2	5		6			6		6	5.9	Năm phẩy Chín	
44	122230629	NGUYỄN VĂN QUÂN	K13KTR2	5		6			7		5	5.6	Năm phẩy Sáu	
45	122230676	NGUYỄN ANH TUẤN	K13KTR2	8		7			7		6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
46	132234802	ĐỖ THÀNH KHẢ AN	K13KTR2	9		8			7		6.5	7.0	Bảy	
47	132234806	NGUYỄN THẾ ANH	K13KTR2	5		7			7		5.5	6.0	Sáu	
48	132234809	VŨ DUY BẢO	K13KTR2	8		7			6		6	6.3	Sáu phẩy Ba	
49	132234813	NGUYỄN ĐỨC CHIẾN	K13KTR2	8		8			7		6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
50	132234816	ĐỖ TRÍ ĐẠI	K13KTR2	5		8			7		3	0.0	Không	
51	132234821	TRẦN NGỌC DÔN	K13KTR2	8		8			7		5	6.1	Sáu phẩy Một	
52	132234825	NGUYỄN THANH DŨNG	K13KTR2	8		7			6		5.5	6.0	Sáu	
53	132234828	PHẠM HẢI DƯƠNG	K13KTR2	5		7			7		5.5	6.0	Sáu	
54	132234831	ĐẶNG LÊ HÀ	K13KTR2	8		8			7		5	6.1	Sáu phẩy Một	
55	132234838	NGUYỄN LONG HẢI	K13KTR2	6		6			7		5	5.7	Năm phẩy Bảy	
56	132234840	TRẦN XUÂN HẠNH	K13KTR2	8		7			7		5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
57	132234843	NGUYỄN THANH HIỀN	K13KTR2	8		7			6		6	6.3	Sáu phẩy Ba	
58	132234847	PHẠM VĂN HOÀN	K13KTR2	9		9			8		6	7.1	Bảy phẩy Một	
59	132234850	DƯƠNG VIỆT HÙNG	K13KTR2	5		8			7		5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
60	132234855	THÁI THỊ THANH HUYỀN	K13KTR2	8		8			7		4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
61	132234857	NGUYỄN MINH KHÔI	K13KTR2	6		7			7		6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
62	132234863	NGUYỄN THẾ LINH	K13KTR2	9		8			6		5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
63	132234870	NGUYỄN PHƯỚC LONG	K13KTR2	8		7			7		6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
64	132234874	VÕ XUÂN MINH	K13KTR2	9		9			8		6	7.1	Bảy phẩy Một	
65	132234877	ĐỖ PHỤNG TRANG ĐÀI	K13KTR2	8		8			7		5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
66	132234885	BÙI VĂN HIẾU	K13KTR2	8		7			5		5	5.5	Năm phẩy Năm	
67	132234886	LÊ CÔNG HUÂN	K13KTR2	4		7			7		6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
68	132234889	LÊ THANH QUANG	K13KTR2	6		7			6		4	5.0	Năm	
69	132234892	PHẠM CÔNG QUỲNH	K13KTR2	9		8			7		6	6.8	Sáu phẩy Tám	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				10%	0%	10%	0%	0%	25%	0%	55%			
70	132234895	LÊ CÔNG TÂM	K13KTR2	8		8			7		6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
71	132234904	NGUYỄN QUANG THANH	K13KTR2	3		7			5		6	5.6	Năm phẩy Sáu	
72	132234910	TRẦN ĐỨC THIẾT	K13KTR2	7		8			6		5.5	6.0	Sáu	
73	132234913	TRẦN QUANG THỊNH	K13KTR2	8		8			5		6	6.2	Sáu phẩy Hai	
74	132234917	HOÀNG THỊ HƯƠNG THỦY	K13KTR2	9		9			7		7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
75	132234919	VŨ VĂN TIẾN	K13KTR2	6		7			6		6	6.1	Sáu phẩy Một	
76	132234920	PHẠM THANH VIỆT	K13KTR2	8		7			6		5.5	6.0	Sáu	
77	132234924	NGÔ VĂN TRUNG	K13KTR2	6		7			6		6	6.1	Sáu phẩy Một	
78	132234940	LÊ VĂN VIỆT	K13KTR2	8		7			7		6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
79	132234943	NGUYỄN DUY VŨ	K13KTR2	9		7			7		6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
80	132234948	NGUYỄN THỊ HOÀN HIỆP	K13KTR2	9		8			8		8	8.1	Tám phẩy Một	
81	132234951	NGUYỄN TÀI HỒNG	K13KTR2	9		8			7		5	6.2	Sáu phẩy Hai	
82	111260533	VÕ QUANG HUY	K13KTR3	6		7			5.5		4	4.9	Bốn phẩy Chín	
83	111260565	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	K13KTR3	0		0			0		V	0.0	Không	
84	111260686	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	K13KTR3	6		6			3		V	0.0	Không	
85	112230643	VŨ XUÂN TRUÔNG	K13KTR3	7		7			6		4.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
86	112230658	ĐÀO VŨ NGỌC TÚ	K13KTR3	4		6			6		5	5.3	Năm phẩy Ba	
87	122230550	NGUYỄN TÚ CƯỜNG	K13KTR3	9		8			7		7	7.3	Bảy phẩy Ba	
88	122230576	NGUYỄN ĐẮC HIẾU	K13KTR3	5		6			3		5.5	4.9	Bốn phẩy Chín	
89	122230595	VŨ HỮU KÍNH	K13KTR3	8		9			6		4.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
90	122230597	PHẠM NGỌC LINH	K13KTR3	8		7			7		6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
91	122230649	NGUYỄN BÁ THẠCH	K13KTR3	6		7			6		6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
92	132234811	TUỶNG THỊ HẢI BÌNH	K13KTR3	8		8			6		7.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
93	132234815	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	K13KTR3	8		7			7.5		5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
94	132234823	PHẠM PHƯƠNG ĐÔNG	K13KTR3	9		9			7		6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
95	132234826	NGUYỄN THẾ DŨỢC	K13KTR3	6		7			6		5.5	5.8	Năm phẩy Tám	
96	132234830	VÕ ĐỨC DUY	K13KTR3	9		9			7.5		6	7.0	Bảy	
97	132234833	ĐỖ THỊ HÀ	K13KTR3	8		8			6		6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
98	132234836	TRẦN THỊ NGỌC HÀ	K13KTR3	9		8			7		7	7.3	Bảy phẩy Ba	
99	132234837	DƯƠNG VŨ HẢI	K13KTR3	6		7			7		5	5.8	Năm phẩy Tám	
100	132234845	HỒ XUÂN HÒA	K13KTR3	9		9			7		6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
101	132234849	HÀ BÍCH HỒNG	K13KTR3	8		8			8		5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
102	132234858	NGUYỄN GIANG KHÚC	K13KTR3	6		7			5.5		5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
103	132234861	TRƯƠNG VĂN LỢI	K13KTR3	7		7			6		6.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
104	132234864	NGUYỄN VĂN LINH	K13KTR3	8		8			5		8.5	7.5	Bảy phẩy Năm	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP									ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				10%	0%	10%	0%	0%	25%	0%	55%				
105	132234871	NGUYỄN TRỌNG LONG	K13KTR3	9		7			6		5	5.9	Năm phẩy Chín		
106	132234876	TRẦN MẠNH	K13KTR3	9		8			7		5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
107	132234878	ĐOÀN THỊ BÍCH NGỌC	K13KTR3	9		8			6		7	7.1	Bảy phẩy Một		
108	132234887	TRẦN VĂN QUÂN	K13KTR3	8		9			6.5		5	6.1	Sáu phẩy Một		
109	132234896	BÙI THỊ KIỀU LY	K13KTR3	9		8			7		6.5	7.0	Bảy		
110	132234897	NGÔ LÊ DẠ NHI	K13KTR3	9		9			7		8	8.0	Tám		
111	132234905	ĐỖ KIM NHẬT THÀNH	K13KTR3	9		8			6		5	6.0	Sáu		
112	132234911	ĐOÀN QUỐC THỊNH	K13KTR3	9		8			6		5	6.0	Sáu		
113	132234916	NGUYỄN ĐĂNG THUỖNG	K13KTR3	9		7			6		8.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
114	132234921	HOÀNG ĐỨC TÌNH	K13KTR3	7		7			6		7	6.8	Sáu phẩy Tám		
115	132234927	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	K13KTR3	7		7			5.5		7.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
116	132234930	HOÀNG ANH TÚ	K13KTR3	9		9			6		5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
117	132234936	TRẦN NGỌC TUỖNG	K13KTR3	9		7			6		6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
118	132234937	HOÀNG THỊ NGỌC VÂN	K13KTR3	9		8			6		7.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
119	132234939	DƯƠNG THẾ VĂN	K13KTR3	9		7			7		6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
120	132234944	TRƯƠNG QUANG ANH	K13KTR3	6		7			6		5.5	5.8	Năm phẩy Tám		
121	132234949	BÙI VĂN HIỆU	K13KTR3	7		8			6		3	0.0	Không		
122	132234950	LÊ THỊ HOA	K13KTR3	8		8			6		6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
123	132234954	ĐOÀN THANH TÙNG	K13KTR3	9		7			7		4	5.6	Năm phẩy Sáu		
1	0567	HOÀNG VĂN HẢI	K12KTR	3		0			0		5	3.1	Ba phẩy Một	31671	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	116	94%	
2	Số sinh viên nợ	8	6%	
TỔNG CỘNG :		124	100%	

Đà Nẵng, 03/12/2011

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(Ký và ghi rõ họ tên)

VÕ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

VUU HỮU THẠNH

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ